

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 4 trang 61, 62: Ôn tập giữa học kì 2 Tiết 4](#)

Ôn tập giữa học kì 2 - Tiết 4

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 4 trang 61, 62: Ôn tập giữa học kì 2 Tiết 4

Câu 1: Viết vào bảng dưới đây các từ ngữ đã học trong tiết **Mở rộng vốn từ** theo chủ điểm ; một thành ngữ hoặc tục ngữ đã học trong mỗi chủ điểm.

Chủ điểm	Từ ngữ	Thành ngữ, tục ngữ
Người ta là hoa đất	- M : tài năng, tài giỏi, ... - Những hoạt động có lợi cho sức khỏe : tập luyện, - Những đặc điểm của một cơ thể khoẻ mạnh : vạm vỡ,	M : Người ta là hoa đất
Vẻ đẹp muôn màu	- Thể hiện vẻ đẹp bên ngoài của con người : xinh đẹp.... - Thể hiện tâm hồn, tính cách con người : thùy mị.... - Thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh vật :.... - Thể hiện vẻ đẹp của cả thiên nhiên, cảnh vật, con người:.... - Từ miêu tả mức độ cao của cái đẹp :....	M : Đẹp người đẹp nết
Những người quả cảm	M : dũng cảm,	

Trả lời:

Chủ điểm	Từ ngữ	Thành ngữ, tục ngữ
Người ta là hoa đất	- M : tài năng, tài giỏi, tài hoa, tài nghệ, tài ba, tài đức,.... - Những hoạt động có lợi cho sức khỏe : tập luyện, tập thể dục, đi bộ, chơi thể thao, ăn uống, nghỉ ngơi, an dưỡng, nghỉ mát,...	M : Người ta là hoa đất - Nước lã mà vã nên hồ

	<p>- Những đặc điểm của một cơ thể khoẻ mạnh : vạm vỡ, lực lưỡng, cân đối, rắn rỏi, rắn chắc, săn chắc, chắc nịch, cường tráng, dẻo dai, nhanh nhẹn,...</p>	<p>- Tay không mà nổi cơ đờ mới ngon.</p> <p>- Nhanh như cắt</p> <p>- Ăn được ngủ được là tiên</p> <p>Không ăn, không ngủ mất tiền thêm lo.</p>
<p>Vẻ đẹp muôn màu</p>	<p>- Thể hiện vẻ đẹp bên ngoài của con người : xinh đẹp, tài giỏi, đẹp đẽ, điệu đà, xinh, tươi tắn, rục rỡ, lộng lẫy, thướt tha...</p> <p>- Thể hiện tâm hồn, tính cách con người : thùy mị, dịu dàng, hiền dịu, đằm thắm, đậm đà, đôn hậu, bộc trực, cương trực, chân tình, thẳng thắn, - Thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh vật : tươi đẹp, sắc sảo, huy hoàng tráng lệ, diễm lệ, mỹ lệ, hùng vĩ, kì vĩ,</p> <p>- Thể hiện vẻ đẹp của cả thiên nhiên, cảnh vật, con người: : xinh xắn, xinh đẹp, lộng lẫy, rục rỡ, duyên dáng, thướt tha,...</p> <p>- Từ miêu tả mức độ cao của cái đẹp : tuyệt vời, tuyệt diệu, tuyệt trần, mê hồn, mê li, vô cùng, không tả xiết, khôn tả</p>	<p>M : Đẹp người đẹp nết</p> <p>- Mặt tươi như hoa</p> <p>- Chữ như gà bới</p> <p>- Tốt gỗ hơn tốt nước sơn</p> <p>- Người thanh tiếng nói cũng thanh</p> <p>- Cái nết đánh chết cái đẹp.</p> <p>- Trông mặt mà bắt hình dong</p> <p>Con lợn có béo cổ lòng mới ngon.</p>
<p>Những người quả cảm</p>	<p>M : dũng cảm, gan dạ, anh dũng, can đảm, can trường, gan, gan góc, gan lì, bạo gan, hèn nhát, hèn mạt, hèn hạ, bạc nhược, nhu nhược...</p>	<p>- Vào sinh ra tử</p> <p>- Gan vàng dạ sắt</p>

Câu 2: Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống :

a)– Một người..... vẹn toàn

– Nét chạm trổ.....

– Phát hiện và bồi dưỡng những..... trẻ.

(Tài năng, tài đức, tài hoa)

b) – Ghi nhiều bàn thắng.....

– Một ngày.....

– Những kỉ niệm.....

(đẹp trời, đẹp đẽ, đẹp mắt)

c)– Một..... diệt xe tăng.

– Có.....đấu tranh.

– nhận khuyết điểm.

(dũng khí, dũng sĩ, dũng cảm)

Trả lời:

a) - Một người **tài đức** vẹn toàn.

- Nét chạm trổ **tài hoa**

- Phát hiện và bồi dưỡng những **tài năng** trẻ

b) - Ghi nhiều bàn thắng **đẹp mắt**.

- Một ngày **đẹp trời**

- Những kỉ niệm **đẹp đẽ**

c) - Một **dũng sĩ** diệt xe tăng

- Có **dũng khí** đấu tranh

- **Dũng cảm** nhận khuyết điểm.